

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 09/11/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP2+RP1+RC6	7:25	20+0+0	0+0+0		20+0+2	0+0+0	Chuyen 2 RP2-RP1
2		TD3+RC3	7:25	13+5	0+0		17+5	0+0	
3		BK5+P2+P5	7:25	0+1+12	0+0+0		2+1+19	0+0+0	Chuyen 7 BK5-P2
4		TD2	7:25	19	0		19	0	
5		P5+TD1	9:25	22+0	0+0		19+3	0+0	
6		MRM+CTC1+TD3	9:25	1+8+4	0+0+0		0+9+13	0+0+0	
7		BK3+CLO+RP2	9:25	4+0+12	0+0+0		1+5+16	0+0+0	
8		TD2	11:25	19	0		19	0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày RP2 - 4 người

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/11/2020	TO: RP2 - RP1 - RC6	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: HUNG - NPhu - Huy	ETA: 09:10
XANH-1			

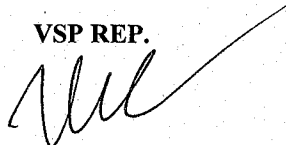
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE HONG DAI	RP2				60	74	D-HANH	Vietnamese
2	DO THANH HAI	RP2					106	D-HANH	Vietnamese
3	PHAM VAN BAN	RP2	64	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN VAN LY	RP2	65	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN KHAC SANG	RP2	55	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN CANH TAN	RP2					75	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN KHOA TRUONG	RP2	59	1	4		77	NIPI	Vietnamese
8	NGUYEN DUC THANG	RP2	48	1	14		66	YTE	Vietnamese
9	NGUYEN THANH DUY	RP2	50	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN QUOC VINH	RP2	47	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VIET HUNG	RP2	57	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
12	DAO VAN TUAN	RP2	49	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VU QUYEN	RP2	52	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM BA HOANG	RP2	56	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
15	HO DUC LONG	RP2	54	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VIET HUNG	RP2	79	1	10		88	KH-THAC	Vietnamese
17	Dinh Van Quan	RP2	63	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN VAN THANH	RP2	58	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
19	TANG VAN DUC	RP2	51	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐANG XUAN KHOA	RP2					67	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN DUC THANG	RP2	53	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN NGOC TAN	RP2	80	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

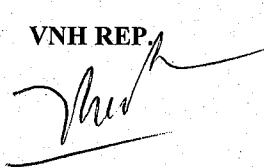
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	22	18	109	1.581	60	20	2	CHUYEN 2 PAXTU RP2 SANG RP1
2	RP1	0	0	0	0	20	0		
3	RC6	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	18	109	1.581	80	22		
WEIGHT KG				109	1.581	80			

GRAND TOAL: 1.770 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 02	TO: TD3 - RC3	CREW: Cương - TĐông - TDUNG	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TRONG HUE	TD3	80	1	10	20	62	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN HUU LUAN	TD3	87	1	12		73	KHOAN	Vietnamese
3	VU LONG PHI	TD3	71	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
4	VU TIEN DUNG	TD3					68	KHOAN	Vietnamese
5	HOANG MINH TOAN	TD3	77	1	4		56	KHOAN	Vietnamese
6	HOANG PHAM NGOC VU	TD3	100	1	4		99	KHOAN	Vietnamese
7	PHAM HUNG DUONG	TD3	86	1	3		96	KHOAN	Vietnamese
8	HUYNH AI HUU	TD3	85	1	5		83	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN MANH HUNG	TD3	81-82	2	11		71	KHOAN	Vietnamese
10	LE ANH THOAI	TD3	79	1	8		90	KHOAN	Vietnamese
11	PHAM DUONG HAI	TD3	78	1	11		63	KHOAN	Vietnamese
12	PHAM HUY NAM	TD3	97-98	2	11		68	CO DIEN	Vietnamese
13	VU DINH NAM	TD3	88,99	2	19		66	CO DIEN	Vietnamese
14	NGUYEN THANH HUY	TD3	200	1	10		70	CO DIEN	Vietnamese
15	DO NGUYEN HONG THANH	RC3	02	1	9	20	82	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN TAN HONG	RC3	05	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
17	VO TUAN ANH	RC3	03	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
18	DANG HOANG ANH	RC3	04	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
19	LE TRUNG TIEN	RC3	06	1	7		75	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	14	16	112	1.040	20	17		
2	RC3	5	5	31	367	20	5		
TOTAL		19	21	143	1.407	40	22		
WEIGHT KG				143	1.407	40			

GRAND TOAL: 1.590 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	TO: BK5 - P2 - P5	CREW: VThắng - Mạnh - HIẾU	ETA: 09:15
cam-1			

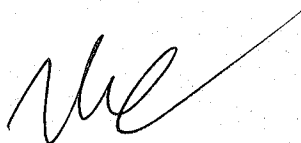
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HA VAN CANH	P2	48	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
2	DAVYDOV D.S	P5	64	1	5		65	KHOAN	Russian
3	NGUYEN VAN XUAN	P5	51	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
4	HOANG DAI NGHIA-PVD	P5	53	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN TAN PHUOC	P5	57	1	5	80	70	KHOAN	Vietnamese
6	PHAM QUANG NGU	P5	56	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN DAM	P5	63	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
8	VU VAN HOA	P5	65	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
9	PHAM XUAN HUY	P5	66	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN NGAN	P5	55	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
11	VU VAN DOANH	P5					66	KHOAN	Vietnamese
12	PHAM VAN SON	P5	52	1	5		54	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN TRONG DUNG	P5	54	1	5		75	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

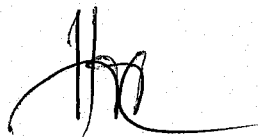
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	0	0	0	0	35	2	7	CHUYEN 07 PAX TU BK5 SNG P2
2	P2	1	1	10	62	0	1		
3	P5	12	11	55	831	80	19		
TOTAL		13	12	65	893	115	22		
WEIGHT KG				65	893	115			

GRAND TOAL: 1.073 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 618	ETD: 07:27
FLIGHT: 04	TO: TD2	CREW: Hoài - TRƯỜNG	ETA: 10:40
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ MẠNH THĂNG	TD2	04	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
2	ZEEENSKII	TD2	95	1	6		78	KH-THAC	Russian
3	PHAN VIỆT TUNG	TD2	97	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN MẠNH	TD2	06	1	5		57	DVL	Vietnamese
5	ALSYGAEV	TD2	98-99	2	12		67	T-TIN	Russian
6	BUI NGOC DUNG	TD2	88	1	3		79	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH ANH	TD2	02	1	6		66	KHOAN	Vietnamese
8	PHAN MẠNH CUÔNG	TD2	92	1	4	70	77	KHOAN	Vietnamese
9	NGÔ VĂN HUY	TD2	90	1	4		76	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ ANH QUÂN	TD2	91	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
11	NG. QUỐC ĐOÀN*PK-PVD	TD2	89	1	6		55	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM THANH GIANG	TD2	03	1	4		73	KHOAN	Vietnamese
13	VŨ XUÂN TRƯỜNG	TD2	93	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ TRƯỜNG LÂM	TD2	01	1	6		71	KHOAN	Vietnamese
15	NGÔ QUANG HUNG	TD2	05	1	8		77	KHOAN	Vietnamese
16	DƯƠNG VĂN THÔNG	TD2	87	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN MINH TÂM	TD2	900	1			74	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ ANH TUÂN	TD2	94	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
19	HỒ ĐÌNH HUY	TD2	96	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	19	20	91	1.309	70	19		
TOTAL		19	20	91	1.309	70	19		
WEIGHT KG				91	1.309	70			

GRAND TOAL: 1.470 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

Fuel: 2100 KG <Giang>



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:35
FLIGHT: 05	TO: P5 - TD1	CREW: VThắng - Mạnh - HIẾU	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN DINH CUONG	P5	94	1	5	10	70	KHOAN	Vietnamese
2	SUSTAVOV	P5	84	1	6		107	D-HANH	Russian
3	LÊ VĂN Y	P5	71	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐOÀN ĐÌNH DUNG	P5	79-80	2	17		67	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN VĂN VIỆT	P5	72-73	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN HAM CHUNG	P5	77-78	2	10		70	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐỖ VĂN HOANG	P5	75-76	2	10		60	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ BÍCH ANH	P5	81-82	2	17		80	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ NGỌC CUÔNG	P5	92-93	2	17		67	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN BA ĐÔNG	P5	88	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN MẠNH HÙNG	P5	85	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
12	PHẠM CÔNG HINH	P5	90-91	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN QUANG HÙNG	P5	89	1	15		67	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ VĂN HÙNG	P5	69-70	2	15		66	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐÌNH VĂN DƯƠNG	P5	67	1	5		60	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN MẠNH	P5	95-96	2	17		66	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN VIỆT MINH	P5	97-98	2	15		62	XAYLAP	Vietnamese
18	ĐÀO VĂN THẮNG	P5	87	1	10		70	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN VIỆT HÙNG	P5	74	1	5		75	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN HỒNG THẮNG	P5	68	1	5		85	PSV	Vietnamese
21	ĐỖ KHẮC ĐÀ	P5	83	1	5		65	PSV	Vietnamese
22	LÊ ĐỨC CUÔNG 72	P5	86	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	22	32	245	1.542	10	19		
2	TD1	0	0	0	0	60	3		
TOTAL		22	32	245	1.542	70	22		
WEIGHT KG				245	1.542	70			

GRAND TOAL: 1.857 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/11/2020	TO: MRM - CTC1 - TD3	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: HUNG - NPhú - Huy	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU THANH QUANG	MRM	42	1	10		73	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN ĐỨC HAI	CTC1	20	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI VAN NINH	CTC1	17	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN CÔNG HOANG	CTC1	16	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN CÔNG TUYẾN	CTC1					75	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN VĂN HUYỀN	CTC1	19	1	2		66	KH-THAC	Vietnamese
7	NGO TUAN ANH	CTC1	21	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN HAI SANG	CTC1	22	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN NAM SON	CTC1	14-15	2	17		80	GETRACO	Vietnamese
10	NGUYEN VAN SANG	TD3	03	1	7		81	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN THANH DANH	TD3	04	1	5		55	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYEN TOAN THANG	TD3	02	1	8		70	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

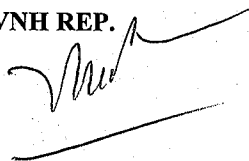
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	1	1	10	73	0	0		
2	CTC1	8	8	42	558	0	9		
3	TD3	3	3	20	206	0	13		
TOTAL		12	12	72	837	0	22		
WEIGHT KG				72	837	0			

GRAND TOAL: 909 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/11/2020	TO: BK3 - CLO - RP2	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:40
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: Cương - TĐông - TDUNG	ETA: 11:20
VANG-2			

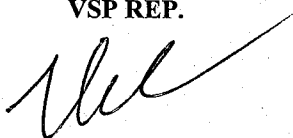
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN KIM	BK3	82-83	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese
2	VU TUAN ANH	BK3	84	1	7	20	63	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐOÀN VĂN BANG	BK3	86	1	11	50	72	XAYLAP	Vietnamese
4	LAI VĂN MẠNH	BK3	87-88	2	20	20	73	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN THANH TUẤN	RP2	66	1	9		60	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VIỆT NHƯỞNG	RP2	68	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	RP2	67	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ DUY QUYÊN	RP2	69	1	6	15	60	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN QUỐC KHANH	RP2					77	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ CHÍ CƯỜNG	RP2	70	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HỒNG QUANG	RP2	71	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN TÀI	RP2	73-74	2	15		60	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ VĂN TÀI	RP2	76	1	8		78	GETRACO	Vietnamese
14	TRẦN VĂN VIỆT A	RP2	72	1	3		67	GETRACO	Vietnamese
15	CAO DUY LŨNG	RP2	35	1	5		56	GETRACO	Vietnamese
16	PHẠM TRẦN THANH PHÚC	RP2	77	1	5		67	GETRACO	Vietnamese
17	PHẠM NGỌC QUY	RP2	78	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

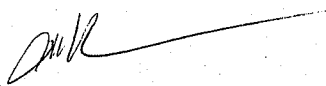
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	4	6	55	268	90	1		
2	CLO	0	0	0	0	0	5		
3	RP2	13	13	77	857	15	16		
TOTAL		17	19	132	1.125	105	22		
WEIGHT KG				132	1.125	105			

GRAND TOAL: 1.362 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



Xin chữ ký pi công



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 618	ETD: 11:30
FLIGHT: 08	TO: TD2	CREW: HLONG - TRƯỜNG	ETA: 14:40
NAU-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ HÙNG TUẤN	TD2					70	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ HỒNG QUANG	TD2	25	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐỖ VĂN CUÔNG	TD2					70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN ĐÀN	TD2					67	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN VĂN SƠN	TD2	24	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HUY DŨ	TD2	19	1	5		95	KH-THAC	Vietnamese
7	LẠI MINH HOÀNG	TD2	20	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	TD2	26-27	2	12		50	KH-THAC	Vietnamese
9	LUƠNG NGỌC HOÀNG	TD2	12	1	10		74	DVL	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN MINH	TD2	18	1	15		82	T-TIN	Vietnamese
11	MAI XUÂN QUY	TD2	15-16	2	12		65	T-TIN	Vietnamese
12	HOÀNG MẠNH HÙNG	TD2	13	1	5		67	GETRACO	Vietnamese
13	TRẦN HỮU THƯỜNG	TD2	17	1	10		80	GETRACO	Vietnamese
14	NGUYỄN MẠNH CUÔNG	TD2	31	1	10		67	BAKER HU	Vietnamese
15	NGUYỄN CỬU VINH	TD2	28-29	2	15		52	BAKER HU	Vietnamese
16	PHÙNG BA CHIẾN	TD2	21	1	5		68	DUNG QU.	Vietnamese
17	NGUYỄN VÔ SỸ	TD2	22-23	2	7		60	DUNG QU.	Vietnamese
18	ARUSHANOV	TD2	14	1	5		100	KHOAN	Russian
19	NGUYỄN QUANG ĐIẾP	TD2	30	1	6		65	DUNG QU.	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	19	20	141	1.350	0	19		
TOTAL		19	20	141	1.350	0	19		
WEIGHT KG				141	1.350	0			

GRAND TOAL: 1.491 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN